TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Ký
2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Giang Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm 2, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
2. Bị đơn: Anh Tống Văn Đ, sinh năm: 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm 2, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Tống Văn Đ được tự do tìm hiểu sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 03/02/1999.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù chị M đã cố gắng khắc phục để các con có cả bố và mẹ nhưng anh Đ không thay đổi cách sống của mình mà còn ham chơi bời, tụ tập bạn bè và coi thường, đánh đập chửi bới chị M, có những hôm anh Đ đóng cửa nhà đuổi chị M ra khỏi nhà, chị M phải ngồi ngoài bờ bụi cả đêm. Từ năm 2020 cho đến nay chị M và anh Đ đã sống ly thân nhau, không quan tâm gì

đến nhau, kinh tế riêng biệt. Từ tháng 01/2023, chị M đã đưa các con về Yên Thái ở, không sống cùng anh Đ nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh Tống Văn Đ

Về con chung: Chị M và anh Tống Văn Đ có 03 con chung là cháu Tống Thị Lan H, sinh ngày: 24/11/1999, cháu Tống Thị L, sinh ngày: 31/12/2003, cháu Tống Thị Khánh L, sinh ngày: 03/12/2007. Cháu Tống Thị Lan H và cháu Tống Thị L đã thành niên, có khả năng tự lao động được nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng các cháu. Nay vợ chồng ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ly cho đến khi cháu Ly thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ ốm yếu, thu nhập không ổn định nên chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Tống Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ nhất trí như lời trình bày của chị Phạm Thị M về thời gian tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn của hai vợ chồng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị M không quan tâm gì đến anh Đ, chị M thường xuyên đi chơi về muộn, anh Đ đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị M không chịu sửa chữa lối sống của mình dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc. Từ năm 2020 cho đến nay anh Đ và chị M đã sống ly thân nhau, không quan tâm gì đến nhau nữa kể cả tình cảm vợ chồng và công việc của nhau. Từ tháng 01/2023 chị M đã đưa cháu Ly và cháu Loan đi nơi khác sống và không sống cùng anh Đ nữa. Từ khi chị M đi những lúc anh Đ ốm đau chị M không về chăm sóc, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị M đã làm đơn ly hôn, anh Đ nhận thấy anh không còn thương yêu chị M, không muốn tiếp tục chung sống với chị M nhưng anh Đ không đồng ý ly hôn vì chị M chưa trả cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng.

Về con chung: Anh Đ nhất trí với lời trình bày của chị Phạm Thị M, anh Đ và chị M có 03 con chung là cháu Tống Thị Lan H, sinh ngày: 24/11/1999, cháu Tống Thị L, sinh ngày: 31/12/2003, cháu Tống Thị Khánh L, sinh ngày: 03/12/2007. Hai cháu Tống Thị Lan H và cháu Tống Thị L đã thành niên, có khả năng tự lao động nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng các cháu. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ly cho đến khi cháu Ly thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ nhất trí với ý kiến của chị M do anh Đ cũng đang bị bệnh, thu nhập không ổn định nên anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/3/2022, UBND xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Chị M, anh Đ sau khi kết hôn chung sống với nhau tại xóm

2, Ngọc Lâm, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Khoảng năm 2020, chị M và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau và không tôn trọng nhau. Cuối năm 2022, chị M đã đưa con về quê ngoại ở, hai vợ chồng đang sống ly thân nhau. Từ đó đến nay không thấy chị M về ở với anh Đ nữa.

Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên: Cháu Tống Thị Khánh L có nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M, xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Tống Văn Đ.

- Về nuôi con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Tống Thị Khánh L, sinh ngày: 03/12/2007 cho chị Phạm Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị M, anh Tống Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Tống Văn Đ, anh Tống Văn Đ có nơi cư trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Tống Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/1999 tại UBND xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

Cả chị M và anh Đ đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Hai vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng sống ly thân nhau từ năm 2020, đến tháng 01/2023 chị M chuyển đi nơi khác sống, hai vợ hồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa, hai bên đều xác định vợ

chồng không còn thương yêu nhau, không còn muốn tiếp tục chung sống với nhau. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử xác định chị M và anh Đ không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau theo quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Tống Văn Đ cũng xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau nhưng không đồng ý ly hôn vì chị M chưa trả cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai vợ chồng. Chị M và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin được ly hôn anh Tống Văn Đ của chị Phạm Thị M là có cơ sở cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M, xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Tống Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị M và anh Đ đều thống nhất, anh chị có có 03 con chung là cháu Tống Thị Lan H, sinh ngày: 24/11/1999, cháu Tống Thị L, sinh ngày: 31/12/2003, cháu Tống Thị Khánh L, sinh ngày: 03/12/2007. Hai cháu Tống Thị Lan H và cháu Tống Thị L đã thành niên, có khả năng tự lao động nên chị M, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng các cháu.

Chị M và anh Đ đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ly cho đến khi cháu Ly thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Đ, giao cháu Tống Thị Khánh L cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên là phù hợp quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tống Thị Khánh L.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M về ly hôn với anh Tống Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Tống Văn Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Tống Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Đ: Giao cháu Tống Thị Khánh L, sinh ngày: 03/12/2007 cho chị Phạm Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị M, anh Tống Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tống Thị Khánh L.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006457 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị Phạm Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Y;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Minh